TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Võ Minh Sơn**

- Ông **Trần Bằng Phi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 383/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán*".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh ngày 18/4/1981; Là người đại diện Hộ kinh doanh Đ

Địa chỉ: Số D, đường N, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số D, đường N, phường B, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Duy P, sinh ngày 21/11/1984

Địa chỉ: Số C, Nguyễn Chí T1, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số C, Nguyễn Chí T1, Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau).

2. Bị đơn: Ông Trương Hồng L, sinh ngày 19/10/1988,

Địa chỉ: Ấp G, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp G, phường H, tỉnh Cà Mau).

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/01/2019 ông Nguyễn Quang T (là người đại diện Hộ kinh doanh Đại lý Đ) có ký hợp đồng bán thức ăn tôm và các loại thuốc thuốc thủy sản cho ông Trương Hồng L. Theo hợp đồng thể hiện phương thức thanh toán là đến khi thu hoạch tôm thì thanh toán dứt điểm công nợ cho ông T. Sau khi thu hoạch tôm, ông L không thanh toán dứt điểm nợ cho ông T. Nên ngày 30/5/2021 ông L đã ký vào bản cam kết thanh toán, còn nợ ông T số tiền là 249.577.500 đồng, đến nay ông L chưa trả được khoản tiền nào.

Ông T yêu cầu yêu cầu ông L trả cho ông T (là người đại diện Hộ kinh doanh Đại lý Đ) tổng số tiền nợ gốc là 249.577.500 đồng; tiền lãi là 97.265.898 đồng tính từ ngày 30/5/2021 đến ngày 02/4/2025 (lãi suất 10%/năm) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/4/2025 đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông Trương Hồng L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 430, 440 BLDS, Nghị Quyết 326 của Quốc Hội, đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Quang T – Hộ kinh doanh đại lý Đ. Buộc ông Trương Hồng L trả cho ông Nguyễn Quang T – Hộ kinh doanh đại lý Đ số tiền 249.577.500 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông L trả tiền lãi từ ngày 30/5/2021 đến ngày xét xử (30/9/2025) với mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 108.150.250 đồng.

Về án phí: Ông Trương Hồng L và ông Nguyễn Quang T – Hộ kinh doanh đại lý Đ phải nộp án phí DSST có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của các đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Quang T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Hồng L trả số tiền mua thức ăn tôm còn nợ, nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trương Hồng L có nơi cư trú tại phường H, tỉnh Cà Mau. Do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:

[4.1] Ông Nguyễn Quang T xác định ngày 24/01/2019 ông Nguyễn Quang T có ký hợp đồng bán thức ăn tôm và các loại thuốc thuốc thủy sản cho ông Trương Hồng L. Theo hợp đồng thể hiện phương thức thanh toán là đến khi thu hoạch tôm thì thanh toán dứt điểm công nợ cho ông T. Sau khi thu hoạch tôm, ông L không thanh toán dứt điểm nợ cho ông T. Nên ngày 30/5/2021 ông L đã ký vào bản cam kết thanh toán, còn nợ ông T số tiền là 249.577.500 đồng, đến nay ông L chưa trả được khoản tiền nào.

[4.2] Căn cứ Điều 401, Điều 430 Bộ luật Dân sự, hợp đồng mua bán có hiệu lực từ thời điểm giao kết, việc mua bán giữa ông T và ông L là phù hợp quy định pháp luật.

[4.3] Ông Trương Hồng L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có trả đủ tiền mua hàng hóa cho ông Nguyễn Quang T. Cho nên, ông T yêu cầu ông L trả số nợ gốc là 249.577.500 đồng, có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi:

[5.1] Ông Nguyễn Quang T yêu cầu ông Trương Hồng L trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 30/5/2021 đến khi thanh toán xong nợ. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn được quy định trong hợp đồng; Bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả, nếu các

bên không thỏa thuận được lãi suất thì lãi suất được tính là 10%/năm. Theo hợp đồng mua bán ngày 24/01/2019 thể hiện bên mua phải thanh toán tiền công nợ cho bên bán vào cuối vụ tôm; Cuối vụ tôm bên mua không thanh toán cho bên bán thì bên bán tiến hành cắt hàng, tại thời điểm cắt hàng được xem là hết thời hạn thanh toán. Nguyên đơn xác định đến cuối vụ tôm nhưng ông L không thanh toán tiền cho ông T, nên giữa ông T và ông L đã đối chiếu công nợ vào ngày 30/5/2021, từ sau đó hai bên không thực hiện giao dịch mua bán nữa. Cho nên, yêu cầu về tiền lãi của ông T là có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi tính từ ngày 30/5/2021 đến ngày xét xử ngày 30/9/2025 là 04 năm 4 tháng, thành tiền là 108.150.250 đồng.

[5.2] Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Hồng L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau về nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T2 về tiền lãi là không có cơ sở chấp nhận, các nội dung đề nghị khác là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 401; Điều 430; Điều 440 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T đối với ông Trương Hồng L.

2. Buộc ông Trương Hồng L có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Quang T số tiền nợ gốc là 249.577.500 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 30/9/2025 là 108.150.250 đồng, tổng cộng số tiền 357.727.750 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trương Hồng L phải nộp là 17.886.388 đồng.

Ông Nguyễn Quang T không phải chịu án phí. Ông T đã nộp tạm ứng án phí 8.671.000 đồng theo biên lai số 0000548 ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Lam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.